

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24/04/2018

V/v: Ly hôn giữa chị C
và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Nguyễn Xuân Chung

Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 24/04/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2018/TLST- HNGĐ ngày 07/02/2018 về “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX - ST ngày 02/04/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C sinh năm 1981 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng T (tức Nguyễn Văn T) sinh năm 1977 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 23/01/2018, các biên bản ghi lời khai chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Hồng T) năm 2002. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, L. Cưới xong vợ chồng chị có về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian đến đầu năm 2006 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình và anh T không chịu làm ăn, chơi bời, không quan tâm đến gia đình dẫn đến nhiều lúc vợ chồng xảy ra xô xát từ đó vợ

chồng không bảo được nhau, việc của ai người đó làm. Chị và anh T đã sống ly thân từ nhiều năm nay và cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là anh Nguyễn Hồng T (tức Nguyễn Văn T) đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để làm việc nhưng anh T vẫn cố tình không đến Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các loại văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T do chị Nguyễn Thị Kim C1 là con của anh T nhận thay. Nhưng đến nay anh T vẫn không có bản tự khai gửi cho Tòa án. Tại các biên bản ghi lời khai chị Nguyễn Thị Kim C1 cho biết, các văn bản tố tụng của Tòa án huyện L gửi cho anh T là bố đẻ chị, chị nhận thay và đã giao lại trực tiếp cho bố chị, nhưng bố chị cho biết do bận làm ăn bố chị không về Tòa án huyện L giải quyết ly hôn. Việc Tòa án huyện L giải quyết như nào là quyền của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến, thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không nghiêm chỉnh chấp hành, đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo quy định của pháp luật và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 227; Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Hồng T).

Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, KSV, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 07/04/2018 cho anh T do chị C1 là con đẻ anh T nhận thay. Nhưng tại phiên tòa anh T không có mặt, HĐXX đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử vụ án vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 24/04/2018. Tòa án đã giao Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, do chị C1 nhận thay nhưng tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Hồng T kết hôn ngày 08/10/2002 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Mặc dù có 2 con chung nhưng chị C và anh T vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn từ đầu năm 2006 giữa chị C và anh T luôn xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có lúc đã xảy ra xô xát, từ đó vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, chị C và anh T chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương được biết anh T vẫn thường xuyên về địa phương, hơn nữa chị Nguyễn Thị Kim C1 là con của anh T cho biết: Anh T hiện nay đang làm ăn ở xa nhưng vẫn thường xuyên về gia đình và đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án do chị trực tiếp giao, anh T biết được Tòa án đang tiến hành giải quyết ly hôn giữa anh và chị C nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị C và anh T không còn, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị C được ly hôn anh T. Xét như vậy là phù hợp với Điều 51; 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Nếu sau này anh T có đơn yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] *Về án phí:* Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 227; Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Hồng T (tức Nguyễn Văn T).

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2017/0003004 ngày 07/02/2018 tại chi cục thi hành án huyện L. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh ;
- VKSND Tỉnh , Huyện;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- UBND xã T2;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ . VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toàn